

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM Y TẾ KV HIỆP ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 99/TTYT

Hiệp Đức, ngày 06 tháng 04 năm 2026

V/v Mời chào giá Hoá chất năm 2026 để
phục vụ công tác khám chữa bệnh tại TTYT
khu vực Hiệp Đức

Kính gửi: Quý công ty, nhà sản xuất.

Trung tâm Y tế khu vực Hiệp Đức có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng dự toán mua sắm Hoá chất hợp và làm cơ sở Tổ chức lựa chọn nhà thầu cho việc mua sắm Hoá chất năm 2026 để phục vụ công tác khám chữa bệnh tại TTYT khu vực Hiệp Đức theo quy định hiện hành.

Với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Hiệp Đức.
2. Danh mục hàng hóa: Theo các Phụ lục đính kèm
3. Biểu chào giá: Theo Mẫu đính kèm. Báo giá được xét hợp lệ khi đúng Mẫu đính kèm. Nhà thầu có thể dự 1 Phần hay nhiều Phần của gói thầu, giá trúng thầu được xét theo từng Phần của gói thầu.
4. Thông tin của người tiếp nhận báo giá:
Nguyễn Thị Huyền: Phòng Tổ chức hành chính & Tài chính kế toán.
Số điện thoại: 0235.3.883.217.
5. Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Hình thức báo giá: Bằng văn bản có ký tên và đóng dấu đơn vị báo giá, đóng giáp lai nếu có nhiều tờ.
 - Địa chỉ: Phòng Tổ chức hành chính & Tài chính kế toán, Trung tâm Y tế khu vực Hiệp Đức. Số 121 Hùng Vương, xã Hiệp Đức, TP. Đà Nẵng.
 - Ngoài bì hồ sơ phải ghi rõ: Báo giá Hoá chất năm 2026 và được niêm phong, đóng giáp mí bì hồ sơ.
5. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 06 tháng 04 năm 2026 đến 07h ngày 16 tháng 04 năm 2026.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
6. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 16 tháng 04 năm 2026.

Mong được sự quan tâm, phối hợp của đơn vị.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Web ttyt; muasamcong;
- Lưu: VT, KD.

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



Huỳnh Văn Hoàng



PHỤ LỤC DANH MỤC GỎI THẦU HOÀ CHẤT NĂM 2026

Kính thưa Quý khách! **Hiệp Đức** xin mời báo giá số **BTM-TTYT** ngày **06/04/2026** của **TTYT Khu vực Hiệp Đức**

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Anti A	- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A 500100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	10 ml/lọ	ml	20	
2	Anti AB	- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-A A-5E10; Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-B B-2D7 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	10 ml/lọ	ml	20	
3	Anti B	- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai B501100 (1,0ml) - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	10 ml/lọ	ml	20	
4	Anti D	- Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti D BS225 (1,0ml). Thuộc thứ Anti-D (Rho) là hỗn hợp gồm cả kháng thể đơn dòng IgM và IgG kháng nguyên D - Độ nhạy, độ đặc hiệu, độ chính xác : 100%	10 ml/lọ	ml	20	
5	ABX MINIDIL LMG 10L	Dung dịch pha loãng	10 lít/ can	Lít	100	
6	ABX MINICLEAN LMG 1L	Dung dịch rửa	1000ml/ chai	ml	2000	
7	ABX MINILYSE LMG 1L	Dung dịch ly giải	1000 ml/ chai	ml	2000	
8	MINOTROL 16 TWIN-PACK (2H) 2ML	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học bệnh mức bệnh cao	2x2.5 ml	ml	5	
9	MINOTROL 16 TWIN-PACK (2L) 2ML	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bệnh lý thấp	2x2.5 ml	ml	5	
10	MINOTROL 16 TWIN-PACK (2N) 2ML	Dung dịch chạy chuẩn máy huyết học mức bình thường	2x2.5 ml	ml	5	
11	CK NAC	Hoá chất dùng để định lượng CK (Creatine kinase) trong huyết thanh, huyết tương người	10x10ml	ml	200	
12	CK- MB	Hoá chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng CK-MB	10x10ml	ml	200	
13	HUMATROL P	-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Mỗi lọ có 5,0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô):2-8oC bên đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. - Đóng gói: 6 x 5 ml -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485	5ml/ lọ	ml	50	

14	HUMATROL N	<p>-Huyết thanh kiểm soát dùng trong xét nghiệm sinh hóa. - Thành phần: Mỗi lọ có 5,0 ml vật liệu kiểm soát dạng đông khô, thành phần chính là huyết thanh bò -Điều kiện bảo quản (dạng đông khô): 2-8°C bền đến hạn sử dụng. Sau khi hoàn nguyên sẽ bền ở 2...8°C cho ít nhất: chất vô cơ, chất hữu cơ và enzymes 7 ngày, bilirubin 4 ngày và acid phosphatase 2 ngày. -</p> <p>- Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Canxi trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: Calcium CPC Thành phần [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers Dung dịch đệm Lysine (pH 11.1) 0.2 mol/L; Sodium azide 0.095% [RGT] 100 ml Thuốc thử màu 8-Hydroxyquinoline 14 mmol/L; o-Cresolphthalain-complexone 0.1 mmol/L; Hydrochloric acid 40 mmol/L [STD] 3 ml Dung dịch Standard Calcium (II) 8 mg/dl hoặc 2 mmol/L; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: trong 7 ngày ở 2-8°C và 3 ngày ở 15-25°C - Độ ổn định: đến hạn sử dụng khi bảo quản đúng cách - Đóng gói: [BUF] 100 ml Dung dịch đệm Buffers; [RGT] 100 ml Thuốc thử màu; [STD] 3 ml Dung dịch Standard - TCCL: CE, ISO 13485</p>	5ml/ lọ	ml	50
15	CALCIUM	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng nồng độ Glucose trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: GOD-PAP Method - Thành phần: [RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 100 mmol/l 4- Aminoaropyrine 0.25 mmol/l Phenol 0.75 mmol/l Glucose oxidase \geq 15 KU/l Peroxidase \geq 1.5 KU/l Mutarotase $>$ 0.1 KU/l Sodium azide 0.095 % [STD] Standard Glucose 100 mg/dl or 5.55 mmol/l - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25- Đóng gói: [RGT] 4 x 100 ml ; [STD] 1 x 3 ml - TCCL: CE, ISO 13485</p>	200ml/ hộp	ml	1200
16	GLUCOSE	<p>Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: CHOD-PAP - Thành phần: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme Dung dịch đệm Phosphate (pH 6.5) 30 mmol/l; 4- Aminophenazone 0.3 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; Peroxidase $>$ 5 KU/l; Cholesterolesterase $>$ 150 U/l; Cholesteroxidase $>$ 100 U/l; Sodium azide 0.05 % [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard Cholesterol 200 mg/dl hay 5.17 mmol/l; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme; [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard - TCCL: CE, ISO 13485</p>	400 ml/ hộp	ml	1200
17	Cholesterol	<p>Hóa chất sử dụng cho xét nghiệm để định lượng nồng độ Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: CHOD-PAP - Thành phần: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme Dung dịch đệm Phosphate (pH 6.5) 30 mmol/l; 4- Aminophenazone 0.3 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; Peroxidase $>$ 5 KU/l; Cholesterolesterase $>$ 150 U/l; Cholesteroxidase $>$ 100 U/l; Sodium azide 0.05 % [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard Cholesterol 200 mg/dl hay 5.17 mmol/l; Sodium azide 0.095% - Độ bền trên máy: 2 tuần ở 15-25°C - Đóng gói: [RGT] 4x100 ml Thuốc thử enzyme; [STD] 3 ml Dung dịch chuẩn Standard - TCCL: CE, ISO 13485</p>	400 ml/ hộp	ml	1200
18	Amylase	<p>Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng alpha Amylase trong huyết tương và huyết thanh Phương Pháp: CNPG3 Thành phần: [RGT] Reagent Solution MES buffer (pH 6.0) 36 mmol/l CNPG3 1.6 mmol/l Calcium acetate 3.6 mmol/l Sodium chloride 37 mmol/l Potassium thiocyanate 253 mmol/l Sodium azide 0.095 % Độ bền: 12 tuần ở 2-8 và 4 tuần ở 15-25 Đóng gói: 12x10ml TCCL: CE, ISO 13485</p>	120 ml/ hộp	ml	360

19	GOT (ASAT)	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GOT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: GOT, MDH - Thành phần: [BUF] Buffer / Enzyme reagent TRIS buffer (pH 7.9) 100 mmol/l L-aspartate 300 mmol/l LDH \geq 1.13 kU/l MDH \geq 0.75 kU/l Sodium azide 0.095 % [SUB] Substrate 2-oxoglutarate 60 mmol/l NADH 0.9 mmol/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: tránh ánh sáng - Đóng gói: [BUF] 8x40 ml Buffer / Enzyme reagent; [SUB] 8x10ml Substrate - TCCL: CE, ISO 13485	400ml/ hộp	ml	800
20	GPT (ALAT)	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GPT trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: GPT, LDH - Thành phần: [BUF] Buffer / Enzyme reagent TRIS buffer (pH 7.4) 125 mmol/l L-alanine 625 mmol/l LDH \geq 1.5 kU/l Sodium azide 0.095 % [SUB] Substrate 2-oxoglutarate 75 mmol/l NADH 0.9 mmol/l Sodium azide 0.095 % - Bảo quản: tránh ánh sáng, ở 2-8 -Đóng gói: [BUF] 8x40ml Buffer / Enzyme reagent; [SUB] 8x10ml Substrate -TCCL: CE, ISO 13485	400ml/ hộp	ml	800
21	Bilirubin Direct	Hóa chất sử dụng để định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh và huyết tương.	375 ml/ hộp	ml	375
22	Bilirubin Total	Hóa chất sử dụng để định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh và huyết tương.	375 ml/ hộp	ml	375
23	URIC ACID	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng uric acid trong huyết tương và huyết thanh - Phương pháp: PAP-Method - Thành phần: RGT] Enzyme reagent Phosphate buffer (pH 7.5) 50 mmol/l 4-Aminophenazone 0.3 mmol/l DCHBS 4 mmol/l Uricase \geq 200 U/l Peroxidase \geq 1000 U/l [STD] Standard Uric acid 8 mg/dl or 476 μ mol/l Sodium azide 0.095 % - Độ ổn định: 2 tuần ở 15-25 - Đóng gói: [RGT] 4 x 30 ml Enzyme reagent [STD] 3 ml Standard - TCCL: CE, ISO 13485	400ml/ hộp	ml	800
24	GGT	Hóa chất sử dụng cho máy sinh hóa để định lượng GGT trong huyết tương và huyết thanh Phương pháp: Colorimetric Test; L- γ -Glutamyl Transferase Thành phần: [BUF] Buffer TRIS buffer (pH 8.30) 125 mmol/l Glycylglycine 150 mmol/l [SUB] Substrate L- γ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 20 mmol/l Độ bền đến hạn: 2-8 Đóng gói: [BUF] 8x40ml Buffer ; [SUB] 8x10ml Substrate TCCL: CE, ISO13485. Phù hợp máy Beckman Coulter/AU480,AU681	400ml/ hộp	ml	800
25	HDL-C	Hóa chất sử dụng để định lượng HDL-Cholesterol trong huyết tương và huyết thanh. Phù hợp máy Beckman Coulter/ AU480,AU682	80ml/ hộp	ml	400
26	Triglycerid	Hóa chất sử dụng để định lượng Triglycerid trong huyết tương và huyết thanh. Phù hợp máy Beckman Coulter/AU480,AU683	400ml/ hộp	ml	800
27	UREA	Hóa chất sử dụng để định lượng nồng độ Ure trong huyết tương và huyết thanh. Phù hợp máy Beckman Coulter/AU480,AU684	200 ml/ hộp	ml	600

28	Creatinine	Hóa chất sử dụng để định lượng Creatinine trong huyết tương và huyết thanh. Phụ hợp máy Beckman Coulter/AU480,AU685	250 ml/ hộp	ml	500
29	SPINROL "H"	Chất hiệu chuẩn (Calibration) CALIBRATOR cho các xét nghiệm sinh hoá.	20ml/ hộp	ml	60
30	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất xét nghiệm định lượng CRP	50ml/ hộp	ml	150
31	RF latex	Chất chuẩn cho xét nghiệm RF. Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng chứa lượng RF ở người với các nồng độ khác nhau và chất bao quản	100 test/ hộp	test	100
32	ASO LATEX	Xác định chỉ số ASO LATEX. Slide agglutination bằng phương pháp ngưng kết tìm Anti-Streptolysin O.	100 test/ hộp	test	100
33	Bộ hóa chất nhuộm lao	Thực hiện xét nghiệm soi nhuộm Ziehl Neelsen tìm trực khuẩn kháng acid. Bao gồm 03 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Carbon Fuchsin, Alcohol acid và Methylene Blue.	Bộ	Bộ	3
34	MEDI- TEST URYXXON 500	Dùng để phân tích nước tiểu thông qua sự biến đổi màu của que thử: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose. Đạt tiêu chuẩn ISO URYXXON 500	100 test/ hộp	test	700
35	Test nhanh chẩn đoán viêm gan B	- Định tính kháng nguyên HBs trong huyết thanh hoặc huyết tương người - Thành phần: Công hợp vàng: Kháng thể đơn dòng kháng HBs (chuyết) - keo vàng: 1.0 ± 0.2 µg; Vạch thử: Kháng thể kháng HBs: 4.0 ± 0.8 µg; Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuyết: 2 ± 0.4 µg. Màng nitrocellulose kích thước 26±5.2 x 4.0±0.8 mm Màng đệm cộng hợp kích thước 5.0±1.0x4.0±0.8 mm Màng đệm mẫu kích thước 18 ± 3.6 x 4±0.8 mm Màng đệm hấp phụ kích thước 19±4.0 x 4 ± 0.8 mm - Dạng: khay nhựa. - Độ nhạy tương đối: 98.68 %, - Độ đặc hiệu tương đối: 99.8 % - Độ lặp lại 100% - Giới hạn phát hiện: 2.0 ng/ml - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần sau khi mở túi nhôm. - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần ở 55 -Không phản ứng chéo với các virus HIV, HCV, Dengue NS1, Syphilis, mẫu bệnh phẩm phụ nữ có thai, yếu tố viêm khớp dạng thấp. - Mẫu chứa nhiều Triglyceride, Bilirubin, Cholesterol, Hemoglobin, Glucose, Prostatic acid phosphatase và Albumin không làm ảnh hưởng đến kết quả	50 test/ hộp	Test	300

36	Test nhanh chẩn đoán giang mai	<p>- Định tính kháng thể kháng giang mai trong huyết thanh hay huyết tương người - Thành phần: Cộng hợp vàng: Kháng nguyên tái tổ hợp treponema pallidum (R47, R17, R15) - keo vàng: $1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$; Vạch thử: Kháng nguyên tái tổ hợp treponema pallidum (R47, R17, R15): $1.0 \pm 0.2 \mu\text{g}$; Vạch chứng: chất bất giữ vàng: $1.5 \pm 0.3 \mu\text{g}$. Màng nitrocellulose kích thước $26 \pm 5.2 \times 4.0 \pm 0.8 \text{ mm}$ Màng đệm cộng hợp kích thước $4 \pm 0.8 \times 4.0 \pm 0.8 \text{ mm}$ Màng đệm hấp phụ kích thước $19 \pm 4 \times 4 \pm 0.8 \text{ mm}$ - Dạng: khay nhựa. - Độ nhạy tương đối: 99.3 % - Độ đặc hiệu tương đối: 99.5 %, - Độ lặp lại 100% - Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần sau khi mở túi nhôm. - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần ở 55.</p>	50 test/ hộp	Test	100
37	Test xét nghiệm nhanh chẩn đoán nhiễm HIV	<p>- Định tính phân biệt kháng thể HIV loại 1 và loại 2 trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người - Độ nhạy tương đối: 100 % , Độ đặc hiệu tương đối: 99,75 % so với phương pháp RT-PCR. Có dung dịch khai triển (buffer) đi kèm. - Cộng hợp vàng: Kháng nguyên HIV ½ tái tổ hợp - keo vàng: $1,0 \pm 0,2 \mu\text{g}$; - Không phản ứng chéo với antinuclear antibody, Cytomegalovirus, Epstein-Barr virus, Human anti-mouse antibody, Hepatitis A virus, Hepatitis E virus, các yếu tố viêm khớp dạng thấp - Giới hạn phát hiện: 1.0 s/CO - Khay thử ổn định ít nhất 6 tuần sau khi mở túi nhôm nếu được lưu trữ ở trong túi nilon dán kín, khay thử ổn định ít nhất 6 tuần ở nhiệt độ phòng và tối đa không quá 55 khi được bảo quản ở điều kiện ban đầu và không mở ra - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học (MSDS) do TURKAK, IAF chứng nhận - Dạng khay thử - Quy cách: hộp 25 test.</p>	40 test/ hộp	Test	200
38	Test xét nghiệm ma túy tổng hợp 5 thành phần	<p>Test thử nhanh phát hiện 5 chất ma túy (MOP/AMP/MET/KET/THC) Thương hiệu: Ezitel - MOP: Ngưỡng cut-off: 300 ng/ ml; Dương tính : MOP > 300 ng/ml; Âm tính : MOP < 300 ng/ml. Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - AMP: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml. Dương tính: AMP $\geq 500 \text{ ng/ml}$. Âm tính: AMP < 500ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - MET: Ngưỡng cut-off: 500 ng/ml; Dương tính: MET $\geq 500 \text{ ng/ml}$; Âm tính: MET < 500ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% - KET: Ngưỡng cut-off: 1000 ng/ml; Dương tính: KET $\geq 1000 \text{ ng/ml}$; Âm tính: KET < 1000ng / ml). Độ nhạy: 97,5%. Độ đặc hiệu: 98,2% - THC: Ngưỡng cut-off: 50 ng/ ml; Dương tính: THC $\geq 50 \text{ ng/ml}$; Âm tính: THC < 50ng / ml). Độ nhạy: 99,9%. Độ đặc hiệu: 99,9% Đạt chứng nhận ISO 13485, ISO 9001, GMP, CE</p>	25 Test/ hộp	Test	200

39	Test xét nghiệm nhanh dengue NS1	<p>Định tính kháng nguyên dengue virus NS1 ở trong huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần của người, - Kháng thể đơn dòng chuột kháng kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết – vàng cộng hợp (0.27±0.05 µg) - Vạch thử: Kháng thể đơn dòng chuột kháng kháng nguyên NS1 của vi rút sốt xuất huyết (0.72±0.14 µg) - Vạch chứng: Kháng thể để kháng IgG chuột (0.72±0.14 µg) - Màng nitrocellulose (2.5±5 x 4.2±0.84 mm) - Vùng cộng hợp (5±2.5 x 4.0±0.80 mm) - Vùng nhận mẫu (18±2.5 x 4±0.80 mm) - Vùng hấp thụ (18±2.5 x 4±0.80 mm) - Độ nhạy tương đối: 97.16%; Độ đặc hiệu tương đối: >99.9% - Giới hạn phát hiện: Huyết thanh tủy 2.3.4 : 0.006125 µg/ml, 0.00153125 µg/ml, 0.006125 µg/ml, dạng khay - Giấy phép lưu hành Bộ Y Tế phân loại C, D - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CFS, KGMP - Bảng dữ liệu an toàn sinh học (MSDS) do TURKAK, IAF chứng nhận</p>	25 Test/ hộp	Test	400
40	Photometer Lamp (bóng đèn)	Phù hợp máy Beckman Coulter/ AU480, AU680	Hộp 1 cặp	Cái	2
41	Ống dây bơm(Roller Tubing)	Phù hợp máy huyết học ABX Micros ES60	Hộp 1 cặp	Cái	2
42	Ống dây bơm(Roller Tubing)	Phù hợp máy sinh hoá bán tự động BTS 350	Hộp 1 cặp	Cái	2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****BẢN CAM KẾT**

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Hiệp Đức .

Chúng tôi, Công tylà nhà thầu tham dự Báo giá Hoá chất năm 2026 tổng hợp theo Thư mời chào giá số /TM-TTYT ngày 06/ 04/2026 của TTYT Khu vực Hiệp Đức.

Chúng tôi cam kết về tư cách hợp lệ của Nhà thầu như sau:

1. Là doanh nghiệp đã đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.
2. Hạch toán tài chính độc lập.
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản.
4. Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.
5. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của Luật đấu thầu.
6. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại Luật đấu thầu;
7. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chúng tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật về những cam kết nêu trên.

Trân trọng.

....., ngày tháng năm 2026

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Ký tên, đóng dấu)

Tên công ty:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mã số thuế:

BẢNG CHÀO HOÁ CHẤT NĂM 2026

..... ngày tháng năm 2026

(Kèm theo Thư mời báo giá số /TM - TTYT ngày / /2026 của TTYT khu vực Hiệp Đức)

Kính gửi: Trung tâm khu vực Hiệp Đức.

STT	Tên mặt hàng	Tên dự thầu	Thông số kỹ thuật (ghi rõ thông số của mặt hàng nhà thầu dự)	Quy cách	Hãng/ Nước sản xuất	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
.....									
Tổng cộng:									Khoản
Cam kết thực hiện:									Đòng

Cam kết thực hiện:

- Báo giá có hiệu lực đến:
 - Giá được báo đã bao gồm tất cả các chi phí và phí đi kèm (thuế, vận chuyển và giao hàng).
 - Thời gian thực hiện hợp đồng: Đến 31/12/2026.
 - Loại hợp đồng: Tron gói
 - Phương thức thanh toán: chuyển khoản trong vòng 90 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn bán hàng và cung cấp đủ chứng từ phục vụ công tác thanh toán.
 - Thời gian giao hàng: 72h kể từ lúc nhận được đơn đặt hàng của đơn vị.
 - Địa điểm giao hàng: Kho Khoa Dược - Trung tâm Y tế khu vực Hiệp Đức. Số 121 Hùng Vương, xã Hiệp Đức, TP. Đà Nẵng
 - Cung cấp hồ sơ liên quan:
 - + Hàng hóa:
- Tài liệu chứng minh đủ điều kiện mua bán thiết bị y tế.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, tài liệu đã cung cấp cho đơn vị trước pháp luật.
 - + Tư cách hợp lệ của Nhà thầu: Theo quy định tại Điều 5 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 (*Cam kết bằng văn bản*).
- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ nhà thầu cung cấp và cam kết thực hiện đúng các nội dung được nêu trong Báo giá này.**

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
(*Ký tên, đóng dấu*)